

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 321/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 09 - 7 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Thu Thủy;

Ông Mai Minh Chánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 703/2020/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Hồng Nh, sinh năm 1997; (Có mặt)

Trú tại ấp Tân Th, xã Tân L, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Trần Minh G, sinh năm 1997; (Vắng mặt)

Trú tại ấp Mỹ Th, xã Mỹ Ph, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng Nh trình bày: Chị và anh G chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Ph. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng

quan điểm sống, không thể hàn gắn được, đã ly thân hơn 01 năm. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nh yêu cầu được ly hôn với anh G. Về con chung: Chị Nh và anh G chung sống có 01 con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 21/4/2018, ly hôn yêu cầu nuôi con chung không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Trần Minh G, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh G vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh G.

Tại phiên tòa, chị Nh giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh G, yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không có.

Anh G vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Nh cho rằng chị và anh G chung sống thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau, không còn tình cảm, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Nh yêu cầu ly hôn với anh G là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 21/4/2018, sau khi vợ chồng ly thân đến nay cháu N đang ở với chị Nh, được chị Nh chăm sóc nuôi dưỡng ổn định. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung, theo nguyện vọng của chị Nh muốn được nuôi con chung nên đề nghị giao cháu N cho chị Nh được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nh không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Minh G có hộ khẩu thường trú tại xã Mỹ Ph, huyện CP, tỉnh An Giang. Chị Nh khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn anh Trần Minh G được Tòa án nhân dân huyện CP tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Nh và anh G chung sống chung sống năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Ph, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Nh và anh G, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thấy rằng chị Nh và anh G chung sống thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không còn tình cảm, chị Nh kiên quyết xin ly hôn. Tòa án đã tạo cơ hội và thời gian cho anh chị hàn gắn, nhưng đến nay Hội đồng xét xử xét thấy anh G không có thiện chí trong việc hàn gắn quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nh.

- Về con chung: Chị Nh và anh G chung sống có 01 con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 21/4/2018. Ly hôn, chị Nh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng. Xét, từ khi ly thân đến nay cháu N do chị Nh chăm sóc nuôi dưỡng ổn định và chị Nh cũng có yêu cầu muốn được nuôi cháu N, đồng thời cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi, chị Nh có việc làm và thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của con chung và theo yêu cầu của chị Nh, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Hạo N, sinh ngày 21/4/2018 cho chị Nh được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; quyền nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nh không yêu cầu anh G cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Nh phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Hồng Nh được ly hôn với anh Trần Minh G.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 97/2017 ngày 03/05/2017 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Ph không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 21/4/2018 cho chị Bùi Thị Hồng Nh được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nh cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở anh G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị Hồng Nh phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006037 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- UBND xã Tân Hòa, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Mỹ